

## QUỸ ETF MAFM VNDIAMOND

Số/No: 420/2024/CV-MAFM

CÔNG BỐ THÔNG TIN  
SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2024

Hanoi, day 15 month 04 year 2024

ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADINGKính gửi/ To: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Hochiminh Stock Exchange  
Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ State Securities Commission

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: QUỸ ETF MAFM VNDIAMOND
- Mã chứng khoán/ Securities symbols: FUEMAVND
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 12/04/2024
- Đơn vị tính lô/ Unit: 1 lô ETF tương đương 100.000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã đùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT Order	Mã chứng khoán Securities symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
I.	Chứng Khoán/ Stock		
1	ACB	3200	6.8%
2	CTG	700	1.9%
3	FPT	1700	15.3%
4	GMD	1400	8.7%
5	HDB	1300	2.4%
6	KDH	600	1.7%
7	MBB	3500	6.5%
8	MSB	2000	2.3%
9	MWG	4000	16.4%
10	NLG	700	2.3%
11	OCB	1000	1.1%
12	PNJ	1500	11.8%
13	REE	900	4.4%
14	TCB	2100	7.4%
15	TPB	1600	2.3%
16	VIB	1500	2.7%
17	VPB	2900	4.4%
18	VRE	600	1.1%
II.	Tiền/ Cash (VND)	3,600,686	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and one lot of ETF in value:

- Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 1,270,490,000 VND
- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 1,274,090,686 VND
- Giá trị chênh lệch (nếu có)/ Spread in value: 3,600,686 VND
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ Plan to reduce the spread:
  - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch / Transfer the difference into the Fund's escrow account
  - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF / With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	27,150	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
2	FPT	114,900	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

3	GMD	79,300	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	MBB	23,750	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	MSB	14,350	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	OCB	14,600	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	100,000	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	62,900	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	45,100	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
10	VIB	22,900	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/MAS, KIS, foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)

*State if component securities shall have corporate action*

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations:*

Chi tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period (*)</i> 12/04/2024	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i> 11/04/2024	Chênh lệch <i>Difference</i>
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	30,900,000	30,900,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ <i>Closing price</i>	13,020	12,820	200
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation date</i>			
- của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	393,694,021,890	393,202,822,716	491,199,174.00
- của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF Creation Unit</i>	1,274,090,686	1,272,501,044	1,589,642.00
- của 1 CCQ/ <i>per share</i>	12,741	12,725	15.89
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking index</i>	2,157.65	2,116.83	40.82

(\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ *item 5 is net asset value at*

11/04/2024

(\*\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ *item 5 is net asset value at*

10/04/2024

**Tổng Giám Đốc kiêm đại diện pháp luật**

**CEO and legal representative**



**Soh Jin Wook**